| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ P**<br>**TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 53/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ P, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán* - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Tình

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Phan Thị Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2022/TLST-HNGĐ ngày 21-6-2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 56/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ M, khu phố T, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Bị đơn*: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ N, khu phố T, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà V có mặt, ông T có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V trình bày:*

Bà V và ông T tìm hiểu, quen biết và chung sống với nhau vào năm 2007. Có tổ chức lễ cưới, đến năm 2012 có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện H (nay là phường X, thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không có tiếng nói chung, không hoà hợp, thường xuyên cãi vã nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống hàng ngày. Mặt khác ông T thường xuyên ăn chơi, không lo làm ăn, không chăm lo, quan tâm cho gia đình. Bà V đã nộp đơn xin ly hôn tại Toà án nhưng sau khi được hoà giải bà đã rút đơn khởi kiện và tiếp tục chung sống ông T. Tuy nhiên, ông T vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn kéo dài, đầu năm 2020 ông bà chính thức sống ly thân

từ đó cho đến nay. Nay bà V xác định không còn tình cảm với ông T nữa và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 09-8-2008 và Nguyễn Minh K1, sinh ngày 15-02-2020. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K1; bà V đồng ý giao cháu Nguyễn Minh K cho ông T nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2. Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:*

Ông Nguyễn Minh T không có ý kiến gì đối với trình bày của bà Nguyễn Thị Bích V về quan hệ hôn nhân, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn. Nay bà V nộp đơn lên Tòa án yêu cầu ly hôn, ông T không có ý kiến, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông T, bà V có 02 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 09-8-2008 và Nguyễn Minh K1, sinh ngày 15-02-2020. Sau khi ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh K và ông T đồng ý giao cháu Khôi cho bà V nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Buộc bà V phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Bích V có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh T; trú tại: Tổ N, khu phố T, phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và yêu cầu về nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Minh T theo quy định.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Bích V yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích V và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện H (nay là phường X, thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và được Ủy ban nhân dân phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17-7-2012, nên hôn nhân giữa bà V và ông T là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích V:

Quá trình chung sống, bà V cho rằng bà và ông T có mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hoà hợp, thường xuyên cãi vã nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống hàng ngày. Mặt khác ông T thường xuyên ăn chơi, không lo làm ăn, không chăm lo, quan tâm cho gia đình. Ông bà chính thức sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay.

Căn cứ vào các lời khai có tại hồ sơ thì bà V và ông T có mẫu thuẫn trong thời kỳ hôn nhân là đúng, hiện nay ông bà đã sống ly thân, từ khi ly thân đến nay vợ chồng ông bà không quan tâm đến nhau, mặc ai nấy sống, không có biện pháp hòa giải hàn gắn gia đình.

Tại bản tự khai và đơn xin vắng mặt ngày 25-7-2022, ông T cũng không có nguyện vọng hoà giải đoàn tụ, hàn gắn quan hệ vợ chồng mà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; nhưng từ khi ly thân cho đến quá trình giải quyết tại Tòa án ông T không gặp bà V để hoà giải hàn gắn gia đình, không đến Toà án làm việc. Như vậy thể hiện ông T không còn tình cảm với bà V, không muốn đến Toà án giải quyết ly hôn chứ không phải muốn níu kéo, hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà V.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà V về việc xin ly hôn với ông T là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ Giấy khai sinh số 242, quyển số 01/2012 ngày 05-6-2012 và Trích lục khai sinh số 236/TLKS-BS ngày 03-3-2020 của Ủy ban nhân dân phường X, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì bà Nguyễn Thị Bích V và ông Nguyễn Minh T có 02 con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 09-8-2008 và Nguyễn Minh K1, sinh ngày 15-02-2020.

Các đương sự thống nhất giao con chung là Nguyễn Minh K1, sinh ngày 15-02-2020 cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là Nguyễn Minh K, sinh ngày 09-8-2008 cho ông T nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con. Theo lời khai có tại hồ sơ, cháu K có nguyện vọng được sống với ông Nguyễn Minh T.

Để không làm ảnh hưởng cuộc sống của con chung, cũng như đảm bảo nguyện vọng, điều kiện sống, phát triển tốt nhất cho các cháu, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về con chung của đương sự là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà V phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích V về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích V được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Nguyễn Thị Bích V được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Minh K1, sinh ngày 15-02-2020. Giao cho ông Nguyễn Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 09-8-2008. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích V phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006246 ngày 20-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà V đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17-8-2022) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TX. P, tỉnh BR-VT;
- UBND phường X, TX. P, tỉnh BRVT;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Thị Tình**